

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 22- 11-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Mai.

Ông Nguyễn Văn Ba.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1018/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp Phú M 1, xã Phú H, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trần Kim B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số A, Ấp 1, xã Long A, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai.

Người giám hộ cho bị đơn: Chị Trần Thị Thảo N, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Số A, Ấp 1, xã Long A, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai.

(Theo trích lục đăng ký giám hộ số 06/2021/TLGH ngày 09/7/2021)

(Bà H và chị Nguyễn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2020 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Kim H trình bày:

Bà và ông Trần Kim B chung sống với nhau vào năm 2000 đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Thiện, huyện Nhơn

Trạch, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 04 tháng 6 năm 2004. Việc kết hôn do bà và ông B đều tự nguyện. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Kim B. Nguyên nhân bà H yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, do ông B bị tâm thần nên đã được Tòa án nhân dân huyện Long Thành tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 16/2018/QĐDS-ST ngày 30/8/2018. Bà và ông B đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Bà H xác định không còn tình cảm với ông B, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà H và ông B có 02 người con chung tên Trần Thị Thảo N, sinh năm 2001 và Trần Kim Ph, sinh ngày 13/01/2003.

Hiện cháu Ng và Ph đã trưởng thành, có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu tòa xem xét về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật

Theo các lời khai có tại hồ sơ, chị Ng là người giám hộ cho bị đơn trình bày:

Ông Trần Kim B và bà Nguyễn Kim H là cha mẹ ruột của chị. Ông B và bà H chung sống với nhau vào năm 2000 đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 04 tháng 6 năm 2004. Việc kết hôn do bà H và ông B tự nguyện. Sau khi kết hôn ông B và bà H chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông B bị tâm thần và được Tòa án nhân dân huyện Long Thành tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 16/2018/QĐDS-ST ngày 30/8/2018. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông B và xin ly hôn, chị Ng đề nghị Tòa xem xét giải quyết cho bà H được ly hôn với ông B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà H và ông B có 02 người con chung tên Trần Thị Thảo N, sinh năm 2001 và Trần Kim Ph, sinh ngày 13/01/2003. Chị N khai hiện chị và em trai **tên** là Ph đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu tòa xem xét về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Giữa ông B và bà H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, người giám hộ cho bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim H, người giám hộ cho bị đơn chị Trần Thị Thảo N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Kim H và chị Trần Thị Thảo N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim H và ông Trần Kim B xây dựng gia đình với nhau năm 2004 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 04 tháng 6 năm 2004 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Bà H xin ly hôn với ông B, người giám hộ của ông B đề nghị Tòa xem xét giải quyết cho bà H và ông B được ly hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Kim H và ông Trần Kim B có 02 người con chung tên Trần Thị Thảo N, sinh năm 2001 và Trần Kim Ph, sinh ngày 13/01/2003. Hiện chị Ng và anh Ph đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Kim H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228; Điều 273 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Nguyễn Kim H đối với ông Trần Kim B.

Xử cho bà Nguyễn Kim H được ly hôn với ông Trần Kim B.

Về nuôi con chung: Không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Kim H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005103 ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Nguyễn Kim H và người giám hộ cho bị đơn chị Trần Thị Thảo N được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- UBND xã Phước Thiện
(GCNKH số 90/2004) (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Thị Minh Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Mai – Nguyễn Văn Ba

Bùi Thị Minh Thảo